ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG KHU DÂN CƯ PHÍA BẮC ĐƯỜNG TRẦN PHÚ, TỔ DÂN PHỐ THUẬN TIẾN, PHƯỜNG BẮC HỒNG LĨNH; TỶ LỆ 1/500

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

ĐỊA ĐIỂM: TỔ DÂN PHỐ THUẬN TIẾN, PHƯỜNG BẮC HỒNG LĨNH, TỈNH HÀ TĨNH

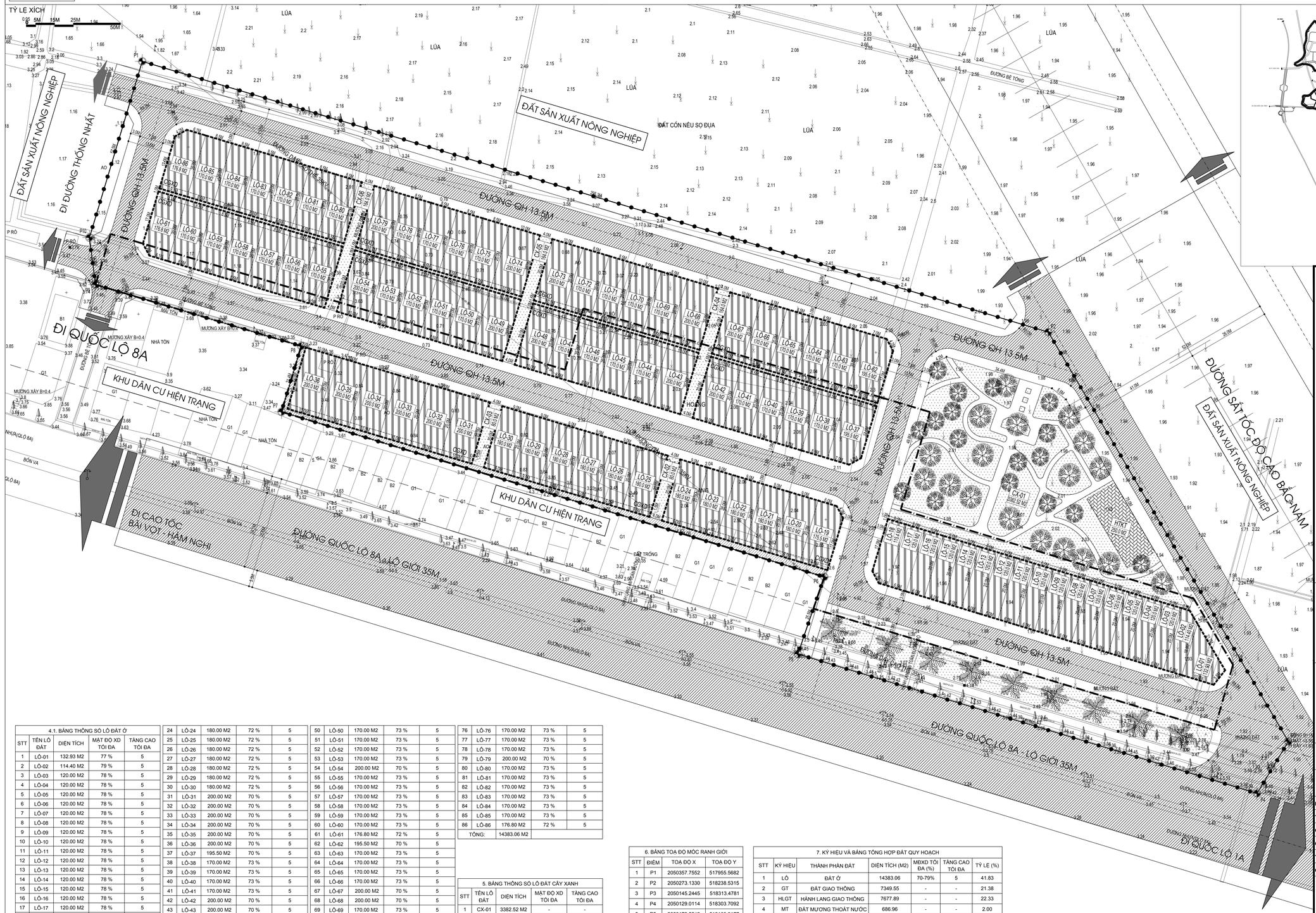

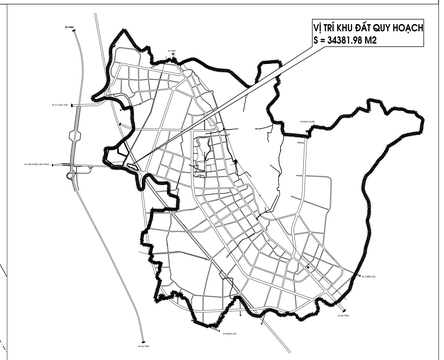

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ KHU ĐẤT QUY HOẠCH:

THUYẾT MINH QUY HOẠCH:

1. CÁC CĂN CỨ ĐỂ THỰC HIỆN

- CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ 791/QĐ-UBND NGÀY 31/07/2025 CỦA UBND PHƯỜNG BẮC HỒNG LĨNH VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT DỰ TOÁN CHI PHÍ KHẢO SÁT, LẬP QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG KHU DÂN CƯ PHÍA BẮC ĐƯỜNG TRẦN PHÚ, TỔ DÂN PHỐ THUẬN TIẾN, PHƯỜNG BẮC HỒNG LĨNH; TỶ LỆ 1/500;
- CĂN CỨ BẢN ĐỒ KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG DO CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG HĐT LẬP;

2. PHẠM VI RANH GIỚI:

- PHÍA TÂY GIÁP: ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ ĐƯỜNG BT HIỆN TRẠNG;
- PHÍA ĐÔNG GIÁP: KHU DÂN CƯ HIỆN TRẠNG VÀ Đ. THỐNG NHẤT;
- PHÍA BẮC GIÁP: ĐẤT NÔNG NGHIỆP HIỆN TRẠNG;
- PHÍA NAM GIÁP: QUỐC LỘ 8A VÀ KHU DÂN CƯ HIỆN TRẠNG;

3. QUY MÔ QUY HOẠCH:

- RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH: 34381.98 M2
- PHẠM VI RANH GIỚI ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI CÁC ĐIỂM: P1, P2, P3, P4...P10 VÀ P1
- RANH GIỚI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT PHỤC VỤ DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT TỐC ĐỘ CAO TRÊN TRỤC BẮC -NAM CÓ DIỆN TÍCH Sxd= 15103.83 M2; PHẦN CÒN LẠI ĐẦU TƯ ĐỒNG BỘ THEO LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG.

GHI CHÚ:

- RANH GIỚI KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH
- ĐẤT Ở QUY HOẠCH MỚI
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐẤT CÂY XANH
- MƯƠNG THOÁT NƯỚC
- LÔ-15 / 241.5 M2 — KÝ HIỆU LÔ ĐẤT / DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT
- PHẠM VI RANH GIỚI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT PHỤC VỤ DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT TỐC ĐỘ CAO TRÊN TRỤC BẮC - NAM

CƠ QUAN CHẤP THUẬN:
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BẮC HỒNG LĨNH — **P. CHỦ TỊCH**

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2025

CƠ QUAN TRÌNH CHẤP THUẬN:
TỔ QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ — **TỔ TRƯỞNG**

KÈM THEO VĂN BẢN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG KHU DÂN CƯ PHÍA BẮC ĐƯỜNG TRẦN PHÚ TỔ DÂN PHỐ THUẬN TIẾN, PHƯỜNG BẮC HỒNG LĨNH, TỈNH HÀ TĨNH

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-02	GHÉP: X A1	TỶ LỆ: 1/500	NGÀY ... - ... - 2025
THIẾT KẾ:	KTS. TRẦN MINH TÂN		
CHỦ TRÌ:	KTS. TRẦN NHẬT HÀO		
CHỦ NHIỆM:	KTS. TRẦN BÁ TÙNG		
TRƯỞNG PHÒNG:	KS. TRẦN THẾ NAM		
QL. KỸ THUẬT:	KS. PHAN HỮU QUANG		
GIÁM ĐỐC:			

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG HĐT
ĐỊA CHỈ: 96 TÔ NGỌC VÂN, PHƯỜNG VINH PHÚ, TỈNH NGHỆ AN
TEL/FAX: 02383 587 017

4.1. BẢNG THỐNG SỐ LÔ ĐẤT Ở

STT	TÊN LÔ ĐẤT	DIỆN TÍCH	MẬT ĐỘ XD TỐI ĐA	TẦNG CAO TỐI ĐA
1	LÔ-01	132.93 M2	77 %	5
2	LÔ-02	114.40 M2	79 %	5
3	LÔ-03	120.00 M2	78 %	5
4	LÔ-04	120.00 M2	78 %	5
5	LÔ-05	120.00 M2	78 %	5
6	LÔ-06	120.00 M2	78 %	5
7	LÔ-07	120.00 M2	78 %	5
8	LÔ-08	120.00 M2	78 %	5
9	LÔ-09	120.00 M2	78 %	5
10	LÔ-10	120.00 M2	78 %	5
11	LÔ-11	120.00 M2	78 %	5
12	LÔ-12	120.00 M2	78 %	5
13	LÔ-13	120.00 M2	78 %	5
14	LÔ-14	120.00 M2	78 %	5
15	LÔ-15	120.00 M2	78 %	5
16	LÔ-16	120.00 M2	78 %	5
17	LÔ-17	120.00 M2	78 %	5
18	LÔ-18	115.40 M2	78 %	5
19	LÔ-19	175.50 M2	72 %	5
20	LÔ-20	180.00 M2	72 %	5
21	LÔ-21	180.00 M2	72 %	5
22	LÔ-22	180.00 M2	72 %	5
23	LÔ-23	180.00 M2	72 %	5
24	LÔ-24	180.00 M2	72 %	5
25	LÔ-25	180.00 M2	72 %	5
26	LÔ-26	180.00 M2	72 %	5
27	LÔ-27	180.00 M2	72 %	5
28	LÔ-28	180.00 M2	72 %	5
29	LÔ-29	180.00 M2	72 %	5
30	LÔ-30	180.00 M2	72 %	5
31	LÔ-31	200.00 M2	70 %	5
32	LÔ-32	200.00 M2	70 %	5
33	LÔ-33	200.00 M2	70 %	5
34	LÔ-34	200.00 M2	70 %	5
35	LÔ-35	200.00 M2	70 %	5
36	LÔ-36	200.00 M2	70 %	5
37	LÔ-37	195.50 M2	70 %	5
38	LÔ-38	170.00 M2	73 %	5
39	LÔ-39	170.00 M2	73 %	5
40	LÔ-40	170.00 M2	73 %	5
41	LÔ-41	170.00 M2	73 %	5
42	LÔ-42	200.00 M2	70 %	5
43	LÔ-43	200.00 M2	70 %	5
44	LÔ-44	170.00 M2	73 %	5
45	LÔ-45	170.00 M2	73 %	5
46	LÔ-46	170.00 M2	73 %	5
47	LÔ-47	170.00 M2	73 %	5
48	LÔ-48	200.00 M2	70 %	5
49	LÔ-49	200.00 M2	70 %	5
50	LÔ-50	170.00 M2	73 %	5
51	LÔ-51	170.00 M2	73 %	5
52	LÔ-52	170.00 M2	73 %	5
53	LÔ-53	170.00 M2	73 %	5
54	LÔ-54	200.00 M2	70 %	5
55	LÔ-55	170.00 M2	73 %	5
56	LÔ-56	170.00 M2	73 %	5
57	LÔ-57	170.00 M2	73 %	5
58	LÔ-58	170.00 M2	73 %	5
59	LÔ-59	170.00 M2	73 %	5
60	LÔ-60	170.00 M2	73 %	5
61	LÔ-61	176.80 M2	72 %	5
62	LÔ-62	195.50 M2	70 %	5
63	LÔ-63	170.00 M2	73 %	5
64	LÔ-64	170.00 M2	73 %	5
65	LÔ-65	170.00 M2	73 %	5
66	LÔ-66	170.00 M2	73 %	5
67	LÔ-67	200.00 M2	70 %	5
68	LÔ-68	200.00 M2	70 %	5
69	LÔ-69	170.00 M2	73 %	5
70	LÔ-70	170.00 M2	73 %	5
71	LÔ-71	170.00 M2	73 %	5
72	LÔ-72	170.00 M2	73 %	5
73	LÔ-73	200.00 M2	70 %	5
74	LÔ-74	200.00 M2	70 %	5
75	LÔ-75	170.00 M2	73 %	5
76	LÔ-76	170.00 M2	73 %	5
77	LÔ-77	170.00 M2	73 %	5
78	LÔ-78	170.00 M2	73 %	5
79	LÔ-79	200.00 M2	70 %	5
80	LÔ-80	170.00 M2	73 %	5
81	LÔ-81	170.00 M2	73 %	5
82	LÔ-82	170.00 M2	73 %	5
83	LÔ-83	170.00 M2	73 %	5
84	LÔ-84	170.00 M2	73 %	5
85	LÔ-85	170.00 M2	73 %	5
86	LÔ-86	176.80 M2	72 %	5
TỔNG:		14383.06 M2		

5. BẢNG THỐNG SỐ LÔ ĐẤT CÂY XANH

STT	TÊN LÔ ĐẤT	DIỆN TÍCH	MẬT ĐỘ XD TỐI ĐA	TẦNG CAO TỐI ĐA
1	CX-01	3382.52 M2	-	-
2	CX-02	80.00 M2	-	-
3	CX-03	80.00 M2	-	-
4	CX-04	164.00 M2	-	-
5	CX-05	164.00 M2	-	-
6	CX-06	164.00 M2	-	-
TỔNG:		686.96 M2	-	-

6. BẢNG TOẠ ĐỘ MỐC RANH GIỚI

STT	ĐIỂM	TOẠ ĐỘ X	TOẠ ĐỘ Y
1	P1	2050357.7552	517955.5682
2	P2	2050273.1330	518238.5315
3	P3	2050145.2445	518313.4781
4	P4	2050129.0114	518303.7092
5	P5	2050172.5542	518160.3177
6	P6	2050196.6629	518168.5651
7	P7	2050248.2473	517999.0775
8	P8	2050268.7981	518005.2229
9	P9	2050288.0085	517940.9859
10	P10	2050302.6671	517939.0871

7. KÝ HIỆU VÀ BẢNG TỔNG HỢP ĐẤT QUY HOẠCH

STT	KÝ HIỆU	THÀNH PHẦN ĐẤT	DIỆN TÍCH (M2)	MĐXD TỐI ĐA (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA	TỶ LỆ (%)
1	LÔ	ĐẤT Ở	14383.06	70-79%	5	41.83
2	GT	ĐẤT GIAO THÔNG	7349.55	-	-	21.38
3	HLGT	HÀNH LANG GIAO THÔNG	7677.89	-	-	22.33
4	MT	ĐẤT MƯƠNG THOÁT NƯỚC	686.96	-	-	2.00
5	CX	ĐẤT CÂY XANH	4034.52	5%	1	11.73
6	HTKT	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	250.00	5%	1	0.73
TỔNG			34381.98			100